

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh

2/ Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị Q; Vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2022, bản khai của nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 30/12/2002. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, anh T thường xuyên cờ bạc, quan hệ lăng nhăng với nhiều phụ nữ bên ngoài, thiếu trách nhiệm với gia đình. Nhiều lần chị đã cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 02/9/2003, Nguyễn Thị Hải V, sinh ngày 12/7/2006 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 29/10/2011. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải Quyết con tên Nguyễn Quốc Q vì đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, còn con tên Nguyễn Thị Hải V và Nguyễn Thị Thanh T1 chị xin được Qền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Ngoài ra, do anh Nguyễn Đức T vắng mặt nên chị yêu cầu Tòa giải Quyết theo Q định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong Q trình giải Quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Q định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Qền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải Quyết về con chung với bị đơn anh Nguyễn Đức T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm Qền giải Quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được Q định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh T tự từ bỏ Qền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Q định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đức T.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Đức T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 30/12/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Q định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị Q trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên cờ bạc, quan hệ lăng nhăng với nhiều phụ nữ bên ngoài, thiếu trách nhiệm với gia đình. Nhiều lần chị đã cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Xét mâu thuẫn của chị Q và anh T đã trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị Q thì anh T không có ý kiến hay tác động gì để hàn gắn gia đình mà bỏ mặc; khi tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh T vắng mặt không tham dự hòa giải. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Q định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Đức T thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Q.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Đức T có 03 con chung tên Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 02/9/2003, Nguyễn Thị Hải V, sinh ngày 12/7/2006 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 29/10/2011. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết con tên Nguyễn Quốc Q vì đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, còn con tên Nguyễn Thị Hải V và Nguyễn Thị Thanh T1 chị xin được Qền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ ngày chị Q và anh T sống ly thân, cháu V thì ở với anh T, còn cháu T1 thì ở với chị Q. Tại bản khai ngày 13/6/2022, cháu V trình bày nguyện vọng là khi ba mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với cha, còn cháu T1 trình bày nguyện vọng là khi ba mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống và nguyện vọng của cháu V và cháu T1 nên giao con chung tên Nguyễn Thị Hải V, sinh ngày 12/7/2006 cho anh Nguyễn Đức T được Qền trực tiếp nuôi dưỡng, còn con tên Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 29/10/2011 giao cho chị Lê Thị Q được Qền trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng Q định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Đức T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Q. Chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. *Về con chung*:

Giao con chung tên Nguyễn Thị Hải V, sinh ngày 12/7/2006 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 29/10/2011 cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị Q và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Quyết.

Anh Nguyễn Đức T và chị Lê Thị Q có Qền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có Qền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Q đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010833 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Đức T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về Qền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, Th từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/9/2022). Đối với đương sự vắng mặt có Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày, Th từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- **UBND xã Hàm Thắng;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Kim Hoa